

BỐI CẢNH THẦN HỌC VÀ GIÁO HỘI TRƯỚC KHAI MỞ CÔNG ĐỒNG CHUNG VATICAN II

Tóm tắt: Dựa vào cách tiếp cận duy vật lịch sử, tác giả cho rằng cần chú ý tới tính chủ thể ảnh hưởng đến sự khai mở Công đồng chung Vatican II. Do đó, tác giả tìm hiểu các tư tưởng thần học cũng như tình hình nội bộ của Giáo hội Công giáo thời điểm “đêm trước” của công đồng này. Trong bài viết này, tác giả phân tích các đặc điểm và cách tiếp cận đổi mới của thần học qua phong trào Tân thần học những thập niên nửa đầu thế kỷ XX. Đó là các hướng: Về nguồn; Cập nhật; Chủ nghĩa Thomas Siêu nghiệm; và Nhân học thần học. Đồng thời, tác giả cũng đề cập tới những đan xen giữa đổi mới và bảo thủ của thần học, sự phân chia thành các nhóm trong Giáo hội thời điểm trước Công đồng chung Vatican II.

Từ khóa: Tân thần học; cập tiến; bảo thủ; Giáo hội; Vatican II.

Đặt vấn đề

Công đồng chung Vatican II (1962-1965) là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu ở Việt Nam và trên thế giới quan tâm. Các công trình nghiên cứu của một số nhà nghiên cứu trong nước mà chúng tôi biết được cho tới nay không chỉ phân tích về bối cảnh khai mở, những quan điểm đổi mới của Công đồng chung Vatican II mà còn mở rộng phân tích những tác động của công đồng này đối với Công giáo ở Việt Nam. Nhưng có thể nói, nhiều nghiên cứu chỉ đề cập sơ lược về bối cảnh khai mở Công đồng chung Vatican II trên các bình diện về lịch sử chính trị-xã hội và văn hóa.

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Bài viết được hình thành dựa trên một phần nội dung trong Đề tài khoa học cấp cơ sở năm 2020: *Quan điểm về Giáo hội trong Công đồng chung Vatican II (1962-1965)* do Dương Văn Biên làm chủ nhiệm.
Ngày nhận bài: 21/9/2020; Ngày biên tập: 07/10/2020; Duyệt đăng: 16/10/2020.

Một số nghiên cứu trước đây công bố trên tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo của các tác giả Lê Thị Thanh Hương và Mai Thanh Hải¹ thường tập trung vào các thách thức của thời đại. Các nghiên cứu này xem những thách thức đó như là những “bức bối” đòi hỏi Giáo hội phải đổi mới. Nhưng do không tập trung phân tích những diễn biến phức tạp của đời sống thần học thời kỳ trước khai mở Công đồng chung Vatican II nên đã dẫn tới một số nhận định có thể nói là nhầm lẫn của Mai Thanh Hải. Ví dụ trong bài viết “40 năm Công đồng Vatican II Mười việc còn dang dở”², tác giả Mai Thanh Hải cho rằng, Công đồng chung Vatican II chỉ là thay đổi về ngôn ngữ chứ không thay đổi về thực trạng thần học lỗi thời. Tác giả cũng nhầm lẫn tên nhà thần học R. Bunman (1884-1976). Theo chúng tôi, R. Bunman ở đây tên chính xác là Rudolf Bultmann. Ông là nhà thần học Tin lành chứ không phải nhà thần học Công giáo. Theo Mai Thanh Hải, Thần học Mới (Tân thần học) xuất hiện như thách thức của Công đồng chung Vatican II. Nhưng trong thực tế Thần học Mới lại chính là một trong những dòng thần học có vai trò quan trọng đối với đổi mới của Công đồng chung Vatican II. Công đồng này có các không gian nhất định dành cho một số nội dung của xu hướng Thần học Mới, chứ không phải chỉ có thay đổi về mặt ngôn ngữ.

Dựa vào phương pháp luận của Chủ nghĩa Duy vật lịch sử, chúng tôi cho rằng, xem xét sự kiện tôn giáo như sự kiện Công đồng chung Vatican II cần đặt trong bối cảnh lịch sử chính trị, xã hội và văn hóa. Tuy nhiên, cũng theo phương pháp luận này, cần chú ý tới các tính năng động và sáng tạo về mặt tư tưởng, cũng như sự bảo thủ trì trệ về tư tưởng của những người trong cuộc. Nói cách khác, khi nghiên cứu về một sự kiện nào đó, chúng ta cần để ý tới tính chủ thể của sự kiện. Những người trong cuộc có tác động đến Công đồng chung Vatican II không ai khác chính là cộng đồng Công giáo, đặc biệt là Giáo hội Công giáo, các giáo sĩ và các nhà thần học có ảnh hưởng gián tiếp hoặc trực tiếp tham gia công đồng này.

Câu hỏi đặt ra ở đây là những người trong cuộc tác động đến Công đồng chung Vatican II đã có những diễn biến như thế nào về mặt tư tưởng thần học và phân chia thành các nhóm ra sao? Để trả lời câu hỏi này, bài viết của chúng tôi sẽ tập trung vào phong trào Tân thần học, sự đan xen giữa đổi mới và bảo thủ của tư tưởng thần học, và sự phân chia thành các nhóm khác nhau trong nội bộ Giáo hội Công giáo vào nửa đầu thế kỷ XX.

1. Phong trào Tân thần học và các xu hướng đổi mới

Một trong những hiện tượng đáng chú ý của đời sống thần học Công giáo nửa đầu thế kỷ XX là sự ra đời của trào lưu Thần học Mới (Tân thần học - La nouvelle theologie) của Công giáo vào những năm 1930-1960. Mặc dù nhiều nhà thần học tiên bộ của Công giáo lúc bấy giờ, tiêu biểu như Yves Congar (1904-1995) và Henri de Lubac (1896-1991)³, đã không tự nhận tư tưởng của mình thuộc “Tân thần học”. Đây có thể chỉ là cách thức để các nhà thần học tiên bộ tránh hoặc giảm thiểu sự kiểm soát, thậm chí là sự kết án từ phía giáo quyền của Giáo hội Công giáo lúc bấy giờ. Đồng thời, ngay trong tư tưởng của các nhà thần học này thì việc trở về nguồn gốc của thần học cũng không cho phép các ông hiểu thần học của mình là mới theo nghĩa khác biệt hẳn với những cái cũ, cái truyền thống. Nhưng trong nội dung của các tư tưởng thần học tiên bộ lúc này rõ ràng đã mang các dấu hiệu, đặc điểm của một phong trào thần học được gọi là “Tân thần học” hay “Thần học Mới”. Cái mới của Tân thần học ở đây theo chúng tôi là mới so với cách tiếp cận của thần học Tân Kinh viện và xu hướng thần học còn mang nặng nề trạng thời Cải cách (Reformation)⁴.

Những đại diện nổi bật của trào lưu Tân thần học chủ yếu đến từ 5 quốc gia ở Tây Âu, như: Pháp, Hà Lan, Đức, Áo, và Bỉ. Nổi tiếng trong số các nhà thần học theo trào lưu này gồm có: các nhà thần học dòng Tên Henri de Lubac và Jean Daniélou (1905-1974)⁵, nhà thần học dòng Đa Minh Yves Congar, và nhà thần học Louis Bouyer (1913-2004)⁶ ở Pháp; nhà thần học dòng Đa Minh Edward Schillebeeckx (1914-2009)⁷ ở Hà Lan; nhà thần học dòng Tên Karl

Rahner (1904-1984)⁸, nhà thần học dòng Chúa Cứu thế Bernard Häring (1912-1998)⁹, và nhà thần học Joseph Ratzinger¹⁰ ở Đức. Tư tưởng của các nhà thần học này được truyền tải thông qua các đại biểu chính thức của Công đồng chung Vatican II là các vị hồng y từ 5 quốc gia ở Tây Âu, như: Bernard Alfrink của Hà Lan; Leo Jozef Suenens của Bỉ; Achille Liénart của Pháp; Julius Döpfner và Joseph Frings của Đức; và Franz Koenig của Áo. Phần lớn các nghị phụ Công đồng có xu hướng bảo lưu các quan điểm của những vị này và một số người khác, như Hồng y Giacomo Lercaro của Bologna¹¹. Từ việc tham gia cố vấn cho các hồng y cũng như tham gia tương tác với các giám mục và các chuyên viên thần học khác, những tư tưởng thần học tiên bộ của các nhà thần học thuộc phong trào Tân thần học đã có những tác động tới những thảo luận, thậm chí là định hình các xu hướng thần học của Công đồng chung Vatican II.

Tân thần học là một phong trào thần học mới có những đặc trưng riêng, thể hiện sự đối lập với nền thần học Tân Kinh viện của Giáo hội Công giáo. Phong trào thần học này có 4 đặc điểm chung căn bản¹².

Đặc điểm thứ nhất của trào lưu này là diễn tả bằng ngôn ngữ tiếng Pháp, sau đó mới lan sang các vùng ngôn ngữ khác vào những năm 1940. Sử dụng tiếng Pháp cho Tân thần học dường như là một sự phản ứng đối với ngôn ngữ Latinh của Giáo hội; Đặc điểm thứ hai là cách tiếp cận lịch sử được đề cao trong Tân thần học. Nghiên cứu phê bình lịch sử (historical-critical research) được trào lưu này đòi hỏi cần có được vị trí xứng đáng trong tìm hiểu thần học; Đặc điểm thứ ba là đề cao tầm quan trọng của phương pháp thần học thực chứng (positive theological method). Phương pháp này đòi hỏi việc xây dựng thần học phải căn cứ trên việc khám phá ra các nguồn đưa tới niềm tin tôn giáo của người Công giáo, như: Kinh Thánh, Phụng vụ và Giáo phụ; Đặc điểm thứ tư của Tân thần học là sự phê bình đối với Chủ nghĩa Tân kinh viện (Neo-Scholasticism), cụ thể là phong cách thần học suy diễn.

Tân thần học là một phong trào đa chiều kích, đưa ra nhiều cách tiếp cận mới với các vấn đề thần học. Nhưng đó không phải là sự chối bỏ, thoát li hay phủ nhận sạch trơn nguồn gốc của truyền thống thần học trước đây. Những cách tiếp cận mới của Tân thần học đã để lại nhiều dấu ấn đối với Công đồng chung Vatican II như: Về nguồn (Ressourcement), Cập nhật (Aggiornamento), Chủ nghĩa Thomas Siêu nghiệm (Transcendental Thomism), và Nhân học thần học (Theological Anthropology).

Về nguồn ở đây có nghĩa là phục hồi lại những nguồn gốc vốn là cơ sở của thần học. Các nguồn gốc đó là Kinh Thánh và tư tưởng của các giáo phụ trong suốt thời gian trước khi có Chủ nghĩa Kinh viện (Scholaristicism) xuất hiện. Các nhà thần học chủ trương “trở về nguồn” như Henri de Lubac, Jean Daniélou, Louis Bouyer, Yves Congar, Joseph Ratzinger, và nhà thần học người Thụy Sĩ Hans Urs von Balthasar (1905-1988)¹³ đều có điểm chung là “phê bình Chủ nghĩa Kinh viện có phần quá xa vời và trừu tượng”¹⁴. Xu hướng Về nguồn đã góp phần trở lại với Kinh Thánh, đưa cách tiếp cận phân tích Kinh Thánh có vị trí xứng đáng trong Công đồng chung Vatican II. Xu hướng này cũng mở ra cánh cửa đối thoại với những tôn giáo khác thuộc Kitô giáo như Tin lành chẳng hạn do nhận thấy những điểm tương đồng khi cùng dựa trên nguồn gốc Kinh Thánh.

Còn hướng tiếp cận Cập nhật của Tân thần học chủ trương quan tâm chính tới những yêu cầu của thời đại mới. Tiêu biểu cho cách tiếp cận này là nhà triết học, thần học dòng Tên người Canada Bernard Lonergan (1904-1984)¹⁵. Ông cho rằng, thần học hiện thời cần thoát khỏi “não trạng cổ điển” phi lịch sử, mà phải vận hành theo “một phương thức lịch sử”. Có nghĩa rằng, thần học hiện thời phải đặt trong sự vận động, cập nhật những diễn biến của thời đại.

Một hướng tiếp cận mới đáng chú ý nữa là Chủ nghĩa Thomas Siêu nghiệm (Transcendental Thomism) với đại diện là nhà thần học Karl Rahner. Chủ nghĩa Thomas Siêu nghiệm còn đề xuất về

điểm tương đồng căn bản đối với Thiên Chúa ở trong tâm hồn của con người. Theo Karl Rahner, con người có thể biết được Thiên Chúa thông qua khả năng kế thừa di sản đức tin mà chính con người cũng không nhận ra. Ông gọi những người này bằng khái niệm “Kitô hữu ẩn danh” (anonymous Christian)¹⁶.

Theo nghiên cứu trước đây của chúng tôi, các nhà tân thần học tiêu biểu như Yves Congar, Karl Rahner còn thể hiện một cách tiếp cận mới có ảnh hưởng lớn đến cách nhìn nhận về Giáo hội của Công đồng chung Vatican II. Cách tiếp cận Nhân học thần học (Theological Anthropology) hiện đại được Yves Congar xây dựng là Nhân học thánh linh học (Pneumatological Anthropology), còn Karl Rahner xây dựng là Nhân học siêu nghiệm (Transcendental anthropology). Cách tiếp cận Nhân học thần học hiện đại kết nối yếu tố Thiên (Thiên Chúa Ba Ngôi) với yếu tố Phàm (Công đồng Kitô hữu), và cho thấy được yếu tố năng động của chủ thể đó là Kitô hữu. Chính hướng tiếp cận này đã đề xuất sự kết hợp của hai phạm trù quan trọng của Giáo hội học là: Nhiệm thể của Chúa Kitô và Dân Thiên Chúa, cũng như làm rõ hơn về vai trò chủ thể của người giáo dân trong Giáo hội, tạo nên sự sinh động hơn cho Giáo hội. Trong lúc diễn ra Công đồng chung Vatican II, tư tưởng này của các nhà Tân thần học đã được hiện thực hóa khi được chỉ định làm chuyên viên thần học. Trường hợp như Yves Congar sau đó là người trực tiếp sửa bản thảo lược đồ cho Hiến chế tín lý về Giáo hội (Lumen Gentium). Sự kết hợp giữa tính Mẫu nhiệm của Giáo hội và Dân Thiên Chúa rõ ràng có một phần đóng góp của cách tiếp cận Nhân học thần học. Trong văn kiện khác của Công đồng chung Vatican II là Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay (Gaudium Et Spes) cũng thể hiện rõ chiều kích nhân học trong cách nhìn nhận về mô hình Giáo hội mục vụ. Đó là một Giáo hội hướng tới phục vụ con người, quan tâm tới các cung bậc cảm xúc và tình cảnh của con người và vì sự hưng thịnh của con người.

2. Đan xen đổi mới và bảo thủ trong “đêm trước” Công đồng chung Vatican II

Tư tưởng mới không chỉ có ở các nhà thần học mà ngay bản thân người lãnh đạo tối cao của Giáo hội Công giáo là Giáo hoàng Pius XII (Piô XII) cũng có những tư tưởng tiên bộ vào thời điểm trước năm 1950. Sự ra đời của các thông điệp: Thông điệp *Mystici Corporis*, Thông điệp *Divino Afflante Spiritu* vào năm 1943 và Thông điệp *Mediator Dei* vào năm 1947 chính là những minh chứng cho điều đó.

Theo Thông điệp *Mystici Corporis* (Thân thể mầu nhiệm), Giáo hội được ví như là Thân mình của Chúa Kitô. Cách tiếp cận của thông điệp này không chỉ dựa trên truyền thống Giáo hội học của thời giáo phụ mà còn kế thừa cả ở thời kỳ Trung cổ. Ở thế kỷ XII, “nhiệm thể” có nghĩa là Giáo hội, nhưng được sử dụng với ý nghĩa là thân xác thể lý của Đức Giêsu, hoặc Minh Thánh trong bí tích. Tài liệu đầu tiên của huấn quyền dùng đến từ ngữ này là *Sắc chỉ Unam sanctam* của Giáo hoàng Boniface VIII (Bonifaxiô VIII)¹⁷. Sự so sánh Giáo hội với hình ảnh thân mình của Chúa Kitô, và tương quan giữa Giáo hội với Chúa Kitô như tương quan giữa chi thể với đầu đã làm nhẹ bớt đi tính chất phẩm trật và pháp lý theo cách tiếp cận xem Giáo hội như “một nhà nước” bắt đầu từ thời Công đồng chung Trent và sau đó là Công đồng chung Vatican I. “Trái lại, Thông điệp nhấn mạnh vào vai trò của Chúa Thánh Thần trong Hội thánh và như thế cũng nhấn mạnh vào sự quân bình cần phải giữ giữa các cấu trúc phẩm trật và những đặc sủng của Thần Khí. Thông điệp ấy đồng hóa Thân mình Mầu nhiệm với Hội thánh Công giáo Rome và dạy rằng tư cách thành viên trong Hội thánh được giới hạn vào những người đã được thánh tẩy, đã tuyên xưng một đức tin đích thật và hiệp thông với Đức Giáo hoàng”¹⁸.

Thông điệp *Mystici Corporis* tạo ra bước ngoặt cho Giáo hội học Công giáo thúc đẩy nhìn nhận Giáo hội theo chiều kích Kitô học thay vì nặng về yếu tố thể chế và pháp lý. Sự kết hợp giữa yếu tố phẩm trật - thiết chế và tính mầu nhiệm thuộc về Kitô học khi nhìn

nhận về Giáo hội có ảnh hưởng quan trọng trong đời sống thần học của nửa đầu thế kỷ XX. Tại Công đồng chung Vatican II, quan điểm xem Giáo hội như là Thân thể Mầu nhiệm của Chúa Kitô có ảnh hưởng không nhỏ tới cách nhìn nhận về bản chất của Giáo hội. Điều đó được thể hiện ngay trong chương đầu tiên của Hiến chế Tín lý về Giáo hội của Công đồng chung Vatican II.

Thông điệp *Divino Afflante Spiritu* (Khởi hứng bởi Chúa Thánh Thần) được Giáo hoàng Pius XII ban hành để khuyến khích các học giả nghiên cứu Kinh Thánh. Trong thông điệp này, Giáo hoàng Pius XII cổ vũ cho việc sử dụng các phương pháp của cách tiếp cận phê bình, các phương pháp của ngôn ngữ học, nhất là nghiên cứu các văn bản gốc, phương pháp của triết học và lịch sử cũng như các khoa học khác, như: khảo cổ học, dân tộc học, v.v... vào nghiên cứu Kinh Thánh. Nhờ sự hỗ trợ của các khoa học mà các học giả về Kinh Thánh mới có thể xác định được sự chính xác phong cách viết, nói, mà những tác giả thời cổ đại đã sử dụng trong thực tế¹⁹. Thông điệp này được nhận xét như một sự “ám chỉ tới một cái gì đó giống như *Aggiornamento* (Cập nhật)”²⁰. Thậm chí việc khuyến khích tìm hiểu Kinh Thánh cũng kích thích xu hướng Về nguồn (*Resourcement*), tức là trở về với nguồn cội của thần học là Kinh Thánh.

Tháng 11/1947, Giáo hoàng Pius XII ban hành Thông điệp *Mediator Dei* (Đấng Trung gian của Thiên Chúa), một thông điệp về sau được đánh giá có nhiều âm hưởng quen thuộc với những người được thừa hưởng Hiến chế phụng vụ Thánh của Công đồng chung Vatican II²¹. Thông điệp tuy có những hạn chế nhưng đã tạo nền tảng cho việc đổi mới phụng vụ. Chẳng hạn trong Thông điệp, Giáo hoàng cho phép phụng vụ “triển nở, hoàn thiện, phát triển, thích nghi và thích ứng với những nhu cầu và hoàn cảnh”, cho phép “trong một số nghi lễ” cử hành nhiều hơn, được sử dụng ngôn ngữ thường ngày²².

Những quan điểm của các thông điệp được Giáo hoàng Pius XII thông qua như trên chính là những báo hiệu trước về mặt đổi mới từ trên xuống trong Giáo hội. Tuy nhiên, Giáo hoàng Pius XII giống

như một hiện tượng có những mâu thuẫn với chính tư tưởng của mình. Bởi chính Giáo hoàng Pius XII lại ban hành một thông điệp khác vào năm 1950 phản đối kịch liệt các nhà thần học có tư tưởng đổi mới. Cụ thể, ngày 12/8/1950, Giáo hoàng Pius XII ra Thông điệp *Humani Generis* (Dòng giống nhân loại) thể hiện rõ quan điểm lên án những cái mới về mặt thần học. Thông điệp nhấn mạnh phạm trù “Thân thể Mẫu nhiệm” cần đi kèm với quan điểm Giáo hội là duy nhất. Đồng thời Thông điệp cho rằng, những tiến bộ của các khoa học, như: Sinh học, Nhân học và Lịch sử đã đưa con người bước ra khỏi sự bảo vệ an toàn của Giáo hội, dẫn đến những sai lạc về giải thích Kinh Thánh²³. Nói cách khác, Thông điệp *Humani Generis* đã co siết lại sự vận dụng của khoa học vào trong thần học. Thông điệp này như một sự phản ứng đối với tính hiện đại và sự cập nhật. “Thông điệp này hình thành do sợ rằng Chủ nghĩa Hiện đại đã đội mồ bước ra”²⁴. Trước Thông điệp *Humani Generis* năm 1950, năm 1946, một thần học gia dòng Đa Minh là Réginald Garrigou-Lagrange đã e ngại rằng, Tân thần học sẽ lại dẫn tới con đường của Chủ nghĩa Hiện đại.

Thông điệp *Humani Generis* năm 1950 của Giáo hoàng Pius XII cùng với xu hướng thần học bảo thủ tạo nên những va chạm với Tân thần học trước khi khai mở và cả trong lúc diễn ra Công đồng chung Vatican II. Thông điệp *Humani Generis* có ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động của các nhà thần học thuộc xu hướng Tân thần học. Nhiều nhà thần học bảo thủ như Réginald Garrigou-Lagrange (1877-1964)²⁵ và Michel Labourdette (1908-1990)²⁶ cho rằng, các luận điểm của các nhà Tân thần học đã theo các ý tưởng của nhà triết học Maurice Blondel (1861-1949)²⁷, một nhà triết học Pháp đề cao sự tự chủ của lý trí và tính chủ thể của con người. Lo lắng các nhà thần học có tư tưởng mang dấu ấn của Chủ nghĩa Hiện đại, Giáo hội Công giáo đã có những kiểm soát và ra những biện pháp trừng phạt. Một số nhà thần học có tầm ảnh hưởng lớn lúc đó như Heri de Lubac, Yves Congar, Marie-Dominique Chenu (1895-1990)²⁸ đã bị tước quyền giảng dạy. Các xuất bản phẩm về một số chủ đề của các

ông cũng không được cấp phép. Đối với Karl Rahner thậm chí còn bị kiểm soát ngặt nghèo. Trong thời gian “từ năm 1951 cho tới khi khai mạc Công đồng Vatican II, nhà thần học Karl Rahner không ngừng bị kiểm duyệt và cấm xuất bản. Năm 1962, ngay trước khi khai mạc Công đồng, ông vẫn bị yêu cầu trước khi xuất bản bất cứ cái gì, đều phải đưa sang Rome kiểm duyệt”²⁹.

Trong khi đó, tình hình Giáo hội Công giáo thời Giáo hoàng Pius XII cũng có những diễn biến phức tạp. Các hồng y, giám mục cũng như các nhà thần học về căn bản thuộc về hai nhóm khác nhau: bảo thủ và cấp tiến. Khối bảo thủ gồm một số giám mục giáo phận như Hồng y Giuseppe Siri (1906-1989) của Genoa, đặc biệt là một số thành viên của Giáo triều Rome như Hồng y Alfredo Ottaviani (1890-1979), Bộ trưởng Giáo lý Đức Tin, người chịu trách nhiệm chính cho việc bảo vệ tính chính thống của giáo lý³⁰. Hồng y Alfredo Ottaviani trong Công đồng chung Vatican II trở thành người đứng đầu cho nhóm bảo thủ tạo ra những tranh luận căng thẳng trong nhiều nội dung của Công đồng. Trong phần quan điểm về Giáo hội, Hồng y Alfredo Ottaviani còn là người giám sát cho lược đồ ban đầu về Giáo hội mang đậm âm hưởng của quan điểm về Giáo hội trong Công đồng chung Vatican I.

Đáng chú ý, nhóm bảo thủ còn bao gồm nhiều hồng y trong Giáo triều. Cho nên có thể nói, nhóm bảo thủ vẫn cắm rễ sâu trong bộ máy điều hành Giáo hội từ Vatican. Họ là những người có lập trường cứng rắn và thường rất dè dặt với những thay đổi. Vì họ e ngại các đổi mới về thần học sẽ đe dọa tới các “giá trị vĩnh cửu”. Chính vì thế, nhóm bảo thủ thường “bám víu vào quá khứ và chống lại mọi phát triển trong suy tư thần học và giáo huấn của Giáo hội. Họ tiêu biểu cho sự toàn vẹn của di sản Công giáo và do vậy họ được gọi là “những người theo Chủ nghĩa Toàn diện”³¹.

Đối lập với nhóm bảo thủ của Giáo triều là nhóm cấp tiến cổ vũ và phát triển xu trào Tân thần học. Triệt để và nổi bật nhất cho nhóm này gồm các hồng y Pháp. Ở Pháp sau Chiến tranh Thế giới II cũng là cái nôi của nhiều nhà Tân thần học nổi tiếng, như: Henri

de Lubac, Jean Daniélou, M. D. Chenu và Yves Congar. Các đổi mới thần học và chương trình mục vụ (tiêu biểu như phong trào linh mục thợ) đã tạo ra những thách thức đối với truyền thống thần học của Giáo hội. Như đã trình bày ở trên, nhóm các nhà thần học cấp tiến đã bị Giáo hoàng Pius XII hạn chế hoạt động nghiêm ngặt. Tuy nhiên, sau khi có Giáo hoàng mới và Công đồng chung Vatican II khai mở, nhóm cấp tiến đã có những đóng góp quan trọng cho những đổi mới của công đồng này.

Có tinh thần cởi mở, tiến bộ nhưng có phần dè dặt và ôn hòa hơn các hồng y Pháp là một số hồng y từ Bắc Italy. Hồng y Angelo Giuseppe Roncalli ở Đông Bắc Italy là một trong số người có xu hướng tư tưởng này. Tuy nhiên, các hồng y này vẫn được xem là những người “liên minh tiềm năng” của các tư tưởng đổi mới.

Về căn bản thì nội bộ Giáo hội lúc đó có hai nhóm chính như trên. Một số nhóm khác được xem xét là các nhóm phái sinh của hai nhóm bảo thủ và cấp tiến. Những nhóm này chính là những người định hình ra tư tưởng thần học, các ủy ban điều hành cũng như đưa ra các quyết định cuối cùng của Công đồng chung Vatican II. Những căng thẳng của hai nhóm tạo thêm sự phức tạp cho tình hình nội bộ Giáo hội đối với việc lựa chọn giáo hoàng mới sau khi Giáo hoàng Pius XII qua đời. Các ứng viên gồm 5 hồng y đến từ cả khối bảo thủ, cấp tiến và những người ôn hòa, trong đó có Hồng y Angelo Giuseppe Roncalli.

Mặc dù có tư tưởng tiến bộ nhưng có phần ôn hòa, Hồng y Angelo Giuseppe Roncalli không phải là ứng viên ban đầu được nhiều người kỳ vọng để trở thành “một nhà quản trị, nhà tổ chức, nhà hoạch định, nhà quản lý, hay nhà lãnh đạo”³². Nhưng Hồng y Angelo Giuseppe Roncalli đã vượt qua các ứng viên khác và được bầu làm Giáo hoàng John XXIII ngày 28 tháng 10 năm 1958. Ông là người được đánh giá có thái độ cởi mở. Chính Giáo hoàng John XXIII là người đã “thay đổi nghi thức ngoại giao của Vatican” khi ông muốn “phổ biến một bầu không khí ít trịnh trọng hơn” so với vị giáo hoàng tiền nhiệm Pius XII³³. “Tầm nhìn của John không

mang tính giáo sĩ, thậm chí không có tính Giáo hội. Ngài coi Giáo hội là một phần của cơ cấu xã hội và hình dung toàn bộ trật tự xã hội như một công cụ để phục vụ loài người nhờ cố vũ con người chung sống trong hòa bình. Tầm nhìn của John XXIII đã biến đổi Giáo hội, giữ nó ra khỏi sự quan tâm hẹp hòi về chính mình, rộng mở nó sang các thể chế và vấn đề khác, buộc nó duyệt lại cơ cấu và chính sách của mình. Tầm nhìn của ngài đã đem lại một sự duyệt lại tập thể³⁴. Với sự lên ngôi của Giáo hoàng John XXIII, nhóm các nhà thần học cấp tiến có cơ hội để thể hiện sự ảnh hưởng của mình. Nhưng sự ôn hòa của vị giáo hoàng này cũng cho phép những cân bằng nhất định với các tư tưởng bảo thủ.

Có thể nói, tình hình Giáo hội thời đại của Giáo hoàng Pius XII giống như “đêm trước” của Công đồng chung Vatican II. Giáo hoàng Pius XII chính là người đã ban hành các thông điệp thể hiện sự đan chéo, pha trộn những tư tưởng canh tân và bảo thủ ngay trước thời gian diễn ra Công đồng chung Vatican II. Nhưng sự không dứt khoát và thậm chí còn quay lại tăng cường kỷ luật, chỉ trích các đổi mới về tư tưởng đã khiến cho thời đại của Giáo hoàng Pius XII trở thành giai đoạn dồn nén các va chạm giữa những nhóm giáo sĩ, nhà thần học có lập trường tư tưởng khác nhau. Sự kế vị của Giáo hoàng John XXIII đã tạo ra cơ hội để gỡ bỏ nút thắt của tình cảnh thần học lúc bấy giờ qua sự khai mở Công đồng chung Vatican II. Tất nhiên trong công đồng này, sự giằng co giữa hai xu hướng đổi mới và bảo thủ vẫn tiếp diễn nhưng đã có những cân bằng mới để đi tới những thống nhất nhất định dù chưa phải là tất cả trong các quyết định của Công đồng.

Một số nhận xét

Công đồng chung Vatican II là một sự kiện tôn giáo có tính lịch sử, được khai mở trong bối cảnh lịch sử cụ thể với những chủ thể cụ thể. Sự chú ý tới bối cảnh bên ngoài là cần thiết nhưng chưa đủ nếu không tính tới yếu tố chủ thể của Công đồng chung Vatican II. Chính các nhà thần học, các hồng y, giám mục ảnh hưởng tới hoặc tham gia Công đồng chung Vatican II là những người có vai trò

quan trọng trong việc đón nhận các điều kiện của thời đại ra sao, định hình nên tư tưởng của công đồng này như thế nào. Vì thế, việc tìm hiểu bối cảnh khai mở Công đồng chung Vatican II không nên bỏ qua những xu hướng thần học, diễn biến các nhóm bên trong Giáo hội Công giáo những năm nửa đầu thế kỷ XX.

Sự xuất hiện và phát triển của phong trào Tân thần học đã đặt ra các xu hướng tiếp cận mới đối với các vấn đề của Công giáo. Trong đó, các hướng tiếp cận như Về nguồn và Cập nhật có tác động rất mạnh tới nội dung quan điểm về Giáo hội trong Công đồng chung Vatican II. Sự tham gia của các chuyên viên thần học gồm có cả các nhà Tân thần học đề tư vấn cho các hồng y, giám mục có tư tưởng tiến bộ đã góp phần đưa những tư tưởng đổi mới vào trong những văn kiện của Công đồng. Cách tiếp cận Nhân học thần học hiện đại cũng cho phép các nhà Tân thần học truyền tải quan điểm xây dựng một giáo hội với thành phần giáo dân năng động hơn và hướng tới phục vụ thế giới con người trần tục hơn.

Cùng với các tư tưởng đổi mới của các nhà thần học thì ngay bản thân Giáo hoàng Pius XII cũng đã có những dấu hiệu cho thấy sự dọn đường trước cho nhiều quan điểm về Giáo hội trong Công đồng chung Vatican II sau này. Giáo hoàng Pius XII như một hiện tượng vừa thể hiện dấu hiệu của sự đổi mới theo chiều từ trên xuống trong thần học của Công giáo nhưng cũng giống như cái “chốt” kìm lại những tư tưởng của các nhà thần học Tân thần học. Ngay bản thân vị giáo hoàng này cũng có những mâu thuẫn khi vừa công bố những thông điệp chứa đựng tinh thần đổi mới lại vừa có cả các thông điệp với tư tưởng lên án những cái mới. Cùng với những “ngập ngừng” về đổi mới của Giáo hoàng Pius XII là các tư tưởng thần học của nhóm bảo thủ với những nhân vật có vị trí trong Giáo triều tiếp tục có các ảnh hưởng trực tiếp tới Công đồng chung Vatican II. Tiêu biểu nhất cho nhóm bảo thủ là Hồng y Alfredo Ottaviani. Nhóm bảo thủ là những người đã góp phần chuyển tải các đặc điểm của nền Giáo hội học thời Cải cách tới Giáo hội học của Công đồng chung Vatican II.

Có thể nói, bức tranh về thần học của những thập niên nửa đầu thế kỷ XX có sự đan cài, tranh tối tranh sáng giữa cái cũ và cái mới. Sự đòi hỏi của thời đại và nhất là các va chạm về mặt thần học cũng như các nhóm ở bên trong Giáo hội ở thời kỳ này tạo nên bối cảnh như là “đêm trước” của Công đồng chung Vatican II. Sự đan xen giữa thần học mới và thần học bảo thủ của bối cảnh này đã đặt dấu ấn lên chính các quan điểm về Giáo hội được thể hiện ở trong Công đồng chung Vatican II. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem trong các bài nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương (2005), Công đồng Vatican II: Lí do khai mở và những giá trị được khẳng định, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2; Mai Thanh Hải (2005), 40 năm Công đồng Vatican II Mười việc còn dang dở, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 và số 5.
- 2 Xem: Mai Thanh Hải (2005), 40 năm Công đồng Vatican II Mười việc còn dang dở, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5, tr. 57.
- 3 Yves Congar thuộc dòng Đa Minh và Henri de Lubac thuộc dòng Tên đều là các nhà thần học người Pháp. Hai ông cũng là những nhà thần học có ảnh hưởng lớn đến Công đồng chung Vatican II.
- 4 *Reformation* ở đây chỉ phong trào cải cách của Giáo hội Công giáo trong các thế kỷ XVI-XVII được khơi mào bằng Công đồng Trent (1545-1563).
- 5 Jean Daniélou là nhà thần học dòng Tên, người Pháp. Ông được Giáo hoàng John XXIII chỉ định làm chuyên viên thần học cho Công đồng chung Vatican II. Năm 1969, ông được Giáo hoàng Paul VI phong làm hồng y.
- 6 Louis Bouyer là người Pháp, ban đầu theo Tin lành Luther nhưng sau đó cải đạo sang Công giáo vào năm 1939. Ông là một cố vấn tại Công đồng chung Vatican II về các vấn đề phụng vụ, nghi lễ thánh và sự hợp nhất Kitô giáo.
- 7 Edward Schillebeeckx sinh ra tại Bỉ. Vào năm 1958, ông đã trở thành giáo sư thần học tại Đại học Công giáo Nijmegen, Hà Lan. Ông sống tại Hà Lan cho tới khi qua đời. Trong suốt Công đồng chung Vatican II, Schillebeeckx là một trong những nhà thần học tích cực nhất, đã tham gia soạn thảo các văn bản cho các giám mục Hà Lan, đặc biệt là cho Hồng y Bernard Jan Alfrink. Đồng thời ông cũng là người thực hiện nhiều thảo luận về chủ đề Về nguồn của thần học tại Rome.
- 8 Karl Rahner là nhà thần học dòng Tên người Đức. Cùng với Henri de Lubac, Hans Urs von Balthasar và Yves Congar, Karl Rahner được xem là một trong những nhà thần học có ảnh hưởng nhất của Công giáo trong thế kỷ 20.
- 9 Bernard Häring (hay còn gọi là Bernard Haering) là nhà thần học luân lý Công giáo người Đức, thuộc dòng Chúa Cứu Thế. Ông là chuyên viên thần học của Công đồng chung Vatican II từ năm 1962-1965, và là một

- thành viên của ủy ban hỗn hợp chuẩn bị cho Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay (*Gaudium et Spes*).
- 10 Joseph Ratzinger sinh năm 1927 tại Đức. Tại Công đồng chung Vatican II, Joseph Ratzinger là một trong những chuyên viên thần học trẻ tuổi nhất. Năm 2005, Joseph Ratzinger trở thành Giáo hoàng lấy tước hiệu là Benedict XVI. Đến năm 2013, ông từ nhiệm Giáo hoàng. Sau khi nghỉ hưu, Benedict XVI có đôi dịp cùng xuất hiện trước công chúng với Giáo hoàng đương nhiệm Francis.
 - 11 Xem thêm James Hitchcock (2012), *History of the Catholic Church from the Apostolic Age to the Third Millennium*, Ignatius Press, San Francisco, tr. 463-464.
 - 12 Xem thêm Jurgen Mettepenningen (2010), *Nouvelle Théologie – New Theology Inheritor of Modernism, Precursor of Vatican II*, T & T Clark International, tr. 9, 10, 11.
 - 13 Hans Urs von Balthasar là nhà thần học người Thụy Sĩ và cũng được xem là một nhà thần học quan trọng của Công giáo trong thế kỷ XX. Ông cùng với Joseph Ratzinger và Henri de Lubac sáng lập ra tạp chí thần học *Communio* vào năm 1971.
 - 14 Jurgen Mettepenningen (2010), *Nouvelle Théologie – New Theology Inheritor of Modernism, Precursor of Vatican II*, Sdd, tr. 465.
 - 15 Bernard Lonergan là nhà thần học, triết học và cũng là linh mục dòng Tên, người Canada. Ông được xem là một trong những nhà tư tưởng quan trọng nhất của thế kỷ XX.
 - 16 Jurgen Mettepenningen (2010), *Nouvelle Théologie – New Theology Inheritor of Modernism, Precursor of Vatican II*, Sdd, tr. 466.
 - 17 Felipe Gómez, SJ. (2006), *Giáo hội học Thần học Tín lý 3*, Nxb. Antôn & Đuốc Sáng, tr. 196.
 - 18 John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.SS.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Nxb. Phương Đông, Hà Nội, tr. 159-160.
 - 19 Xem thêm *Divino Afflante Spiritu*, nguồn:
http://www.vatican.va/content/pius-xii/en/encyclicals/documents/hf_p-xii_enc_30091943_divino-afflante-spiritu.html, truy cập ngày 16/8/2020.
 - 20 John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.SS.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Sdd, tr.158.
 - 21 Xem *Về Thông điệp “Mediator Dei”*, <https://hdgmvietnam.com/chitiet/ve-thong-diep-%E2%80%9Cmediator-dei%E2%80%9D-18790>, truy cập ngày 2/6/2020.
 - 22 John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.SS.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Sdd, tr.162.
 - 23 Xem *Humani Generis* http://www.vatican.va/content/pius-xii/en/encyclicals/documents/hf_p-xii_enc_12081950_humani-generis.html, truy cập ngày 20/8/2020.
 - 24 John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.SS.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Sdd, tr.163.

- 25 Réginald Marie Garrigou-Lagrange là nhà thần học người Pháp. Ông là người phê phán Tân thần học nghiêm khắc và cũng là tác giả của bản thảo thông điệp Humani generis cho Giáo hoàng Pius XII vào năm 1950.
- 26 Michel Labourdette là nhà thần học dòng Đa Minh, người Pháp. Ông là một chuyên viên thần học tại Công đồng chung Vatican II. Chủ đề mà ông quan tâm là thần học luân lý.
- 27 Xem Kenan Osborne (2009), *A Theology of the Church for the Third Millennium A Franciscan Approach*, KoninKlijke Brill NV, Leiden, The Netherlands, tr. 75.
- 28 Marie-Dominique Chenu sinh tại Pháp, gia nhập Dòng Đa Minh vào năm 1913. Ông là người có ảnh hưởng tới *Hiến chế Mục vụ về Giáo hội trong thế giới ngày nay* của Công đồng chung Vatican II.
- 29 John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.S.S.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Sđd, tr. 165.
- 30 James Hitchcock (2012), *History of the Catholic Church from the Apostolic Age to the Third Millennium*, Sđd, tr. 464.
- 31 Bernard R. Connot (2018) (Luru Văn Hy dịch), *Giáo hoàng John XXIII mẫu gương và bậc thầy của các nhà lãnh đạo*, Nxb. Đồng Nai, tr. 17-18.
- 32 Bernard R. Connot (2018) (Luru Văn Hy dịch), *Giáo hoàng John XXIII mẫu gương và bậc thầy của các nhà lãnh đạo*, Sđd, tr. 20.
- 33 John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.S.S.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Sđd, tr. 37.
- 34 Bernard R. Connot (2018) (Luru Văn Hy dịch), *Giáo hoàng John XXIII mẫu gương và bậc thầy của các nhà lãnh đạo*, Sđd, tr. 86.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernard R. Connot (2018) (Luru Văn Hy dịch), *Giáo hoàng John XXIII mẫu gương và bậc thầy của các nhà lãnh đạo*, Nxb. Đồng Nai.
2. Dương Văn Biên (2017), *Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp cơ sở "Quan điểm của Yves Congar về Giáo hội"*, Luru hành nội bộ, Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
3. Mai Thanh Hải (2005), 40 năm Công đồng Vatican II Mười việc còn dang dở, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 và số 5.
4. Lê Thị Thanh Hương (2005), Công đồng Vatican II: Lí do khai mở và những giá trị được khẳng định, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
5. Hội đồng Giám mục Việt Nam - Ủy ban Giáo lý Đức tin (2012), *Công đồng Vaticanô II*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Felipe Gómez, SJ. (2006), *Giáo hội học Thần học Tín lý 3*, Antôn & Đuốc Sáng.
7. Kenan Osborne (2009), *A Theology of the Church for the Third Millennium A Franciscan Approach*, KoninKlijke Brill NV, Leiden, The Netherlands.
8. James Hitchcock (2012), *History of the Catholic Church from the Apostolic Age to the Third Millennium*, Ignatius Press, San Francisco.

9. Jurgen Mettepenningen (2010), *Nouvelle Théologie – New Theology Inheritor of Modernism, Precursor of Vatican II*, T & T Clark International.
10. John W.O' Malley (Lm Nguyễn Đức Thông, C.S.S.R, dịch) (2015), *Những điều đã xảy ra tại Công đồng Vatican II*, Nxb. Phương Đông.
11. Phạm Huy Thông (2012), Công đồng Vatican II: Nửa thế kỉ nhìn lại, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5.
12. Website: <https://hdgmvietnam>; <http://www.vatican.va>; <https://en.wikipedia.org>

Abstract

THEOLOGICAL AND ECCLESIASTICAL CONTEXT BEFORE THE OPENING OF VATICAN COUNCIL II

Duong Van Bien

Institute for Religious Studies, VASS

Based on the historical materialism methodology, the author argues that it needs to pay attention to the subjectivity influencing the opening of the Second Vatican Council. Therefore, the author studied the theological thought as well as the internal situation of the Catholic Church before this council. In this article, the author analyzes the characteristics and approaches of theology through the neo-theological movement in the first half of the twentieth century. There were trends such as Back to the source; Update; Transcendental Thomasism; and Anthropological Theology. Simultaneously, the author also mentions intertwining between renewal and conservatism of theology, the division into groups in the Church before the Second Vatican Council.

Keywords: Neo-theology; radical; conservative; Church; Vatican II.